

TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
BAN ĐÀO TẠO VÀ QUẢN LÝ SINH VIÊN

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2025

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

Khóa: 12 - ĐH

Học kỳ: 3 (Hè)

Đại đội: 11

Bậc: Đại học

Năm học: 2024 - 2025

Đại đội trưởng:

Đại đội phó:

Đơn vị liên kết: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (STU)

TT	MSSV	Họ và tên		Nhóm /Đại đội (c)	Tiểu đội (a)	Số TT giường	Tầng/Lầu	Phòng	Ghi chú
1	DH62300017	Nguyễn Thanh	An	11	a8	1	H02	H0208	
2	DH62300111	Huỳnh Thanh Tâm	Bi	11	a8	2	H02	H0208	
3	DH62300196	Nguyễn Minh	Chiến	11	a8	3	H02	H0208	
4	DH62300215	Lâm Quan Nhật	Cường	11	a8	4	H02	H0208	
5	DH62300308	Trương Thái	Duy	11	a8	5	H02	H0208	
6	DH62300832	Ngô Phạm Nguyên	Khánh	11	a8	7	H02	H0208	
7	DH62300900	Võ Phan Đăng	Khoa	11	a8	8	H02	H0208	
8	DH62300915	Nguyễn Việt	Khôi	11	a9	1	H02	H0209	
9	DH62300944	Dương Tuấn	Kiệt	11	a9	2	H02	H0209	
10	DH62301203	Nguyễn Khoa	Nam	11	a9	3	H02	H0209	
11	DH62301471	Lê Tấn	Phát	11	a9	4	H02	H0209	
12	DH62301529	Phạm Tấn	Phú	11	a9	5	H02	H0209	
13	DH62301616	Huỳnh Minh	Quân	11	a9	6	H02	H0209	
14	DH62301711	Trần Trung	Son	11	a9	7	H02	H0209	
15	DH62301828	Hồ Gia	Thăng	11	a9	8	H02	H0209	
16	DH62301797	Trương Vĩnh	Thanh	11	a10	1	H02	H0210	
17	DH62301798	Võ Chí	Thanh	11	a10	2	H02	H0210	

TT	MSSV	Họ và tên		Nhóm /Đại đội (c)	Tiểu đội (a)	Số TT giường	Tầng/Lầu	Phòng	Ghi chú
18	DH62301779	Phan Minh	Thọ	11	a10	3	H02	H0210	
19	DH62301913	Trần Đức	Thông	11	a10	4	H02	H0210	
20	DH62301927	Ngô Minh	Thuận	11	a10	5	H02	H0210	
21	DH72200146	Phạm Nguyễn Nhật	Duy	11	a10	6	H02	H0210	
22	DH72202016	Nguyễn Ngọc	Hà	11	a10	7	H02	H0210	
23	DH72200769	Lê Lâm	Huy	11	a10	8	H02	H0210	
24	DH72202106	Nguyễn Bá Minh	Khang	11	a11	2	H02	H0211	
25	DH72201409	Huỳnh Nhựt	Tân	11	a11	3	H02	H0211	
26	DH72202530	Ngô Đình	ý	11	a11	4	H02	H0211	
27	DH52200335	Phạm Đức	Anh	11	a11	5	H02	H0211	
28	DH52200606	Lê Nguyên	Giáp	11	a11	6	H02	H0211	
29	DH52200638	Nguyễn Trường Trí	Hào	11	a11	7	H02	H0211	
30	DH52200746	Trần Huy Khải	Hưng	11	a11	8	H02	H0211	
31	DH52200874	Nguyễn Duy	Khánh	11	a12	1	H02	H0212	
32	DH52201003	Phạm Tấn	Lộc	11	a12	2	H02	H0212	
33	DH52201740	Nguyễn Minh	Tuyến	11	a12	3	H02	H0212	
34	DH32200172	Đặng Nguyễn Tuấn	Khanh	11	a12	5	H02	H0212	
35	DH32200182	Phạm Phúc	Linh	11	a12	6	H02	H0212	
36	DH32202928	Hoàng Trung	Nguyên	11	a12	7	H02	H0212	
37	DH32200211	Nguyễn Thanh	Tài	11	a12	8	H02	H0212	
38	DH52201039	Đới Công	Luận	11	a13	1	H02	H0213	
39	DH52201712	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	11	a13	2	H02	H0213	
40	DH52200906	Nguyễn Anh	Khoa	11	a13	3	H02	H0213	
41	DH52201647	Trần Thiên	Triệu	11	a13	5	H02	H0213	

TT	MSSV	Họ và tên		Nhóm /Đại đội (c)	Tiểu đội (a)	Số TT giường	Tầng/Lầu	Phòng	Ghi chú
42	DH52300031	Đoàn Nguyễn Tuấn	Anh	11	a13	7	H02	H0213	
43	DH52300059	Nguyễn Quốc	Anh	11	a13	8	H02	H0213	
44	DH52300081	Trần Hoàng	Anh	11	a14	1	H02	H0214	
45	DH52300086	Trần Quốc	Anh	11	a14	2	H02	H0214	
46	DH92300361	Trần Minh	Đức	11	a14	3	H02	H0214	
47	DH92300539	Đào Lê Minh	Hiếu	11	a14	4	H02	H0214	
48	DH92300831	Ngô Duy	Khánh	11	a14	5	H02	H0214	
49	DH92301189	Đỗ Văn	Nam	11	a14	6	H02	H0214	
50	DH92301292	Lê Trọng	Nghĩa	11	a14	7	H02	H0214	
51	DH92301558	Phạm Gia	Phúc	11	a14	8	H02	H0214	
52	DH62300247	Phùng Ngọc Yên	Dung	11	a6	1	I01	I0104	
53	DH62300576	Võ Nguyễn Thanh	Hoa	11	a6	3	I01	I0104	
54	DH62300833	Nguyễn Gia	Khánh	11	a6	4	I01	I0104	
55	DH62300941	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Kim	11	a6	5	I01	I0104	
56	DH62301025	Phạm Thị Trúc	Liên	11	a6	6	I01	I0104	
57	DH62301044	Nguyễn Thị Trúc	Linh	11	a6	7	I01	I0104	
58	DH62301061	Nguyễn Thị Kim	Loan	11	a6	8	I01	I0104	
59	DH62301123	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai	11	a7	1	I01	I0105	
60	DH62301130	Diệp Ngọc Gia	Minh	11	a7	2	I01	I0105	
61	DH62301221	Đỗ Nguyễn Hồng	Nga	11	a7	3	I01	I0105	
62	DH62301247	Phạm Lê Kim	Ngân	11	a7	4	I01	I0105	
63	DH62301253	Trần Ngô Thu	Ngân	11	a7	5	I01	I0105	
64	DH62301263	Lê Xuân	Ngọc	11	a7	6	I01	I0105	
65	DH62301382	Lê Thị Thu	Nhi	11	a7	7	I01	I0105	

TT	MSSV	Họ và tên	Nhóm /Đại đội (c)	Tiểu đội (a)	Số TT giường	Tầng/Lầu	Phòng	Ghi chú
66	DH62302509	Nguyễn Phương Nhi	11	a7	8	I01	I0105	